

Số: 07/2026/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 08 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cụ thể mức phí và tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ Quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 299/TTr-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cụ thể mức phí
và tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa
bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định cụ thể mức phí, tỷ lệ để lại
tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 9 Nghị định số 346/2025/NĐ-
CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải (sau đây viết tắt là Nghị định số 346/2025/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức cung cấp nước sạch theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị
định số 346/2025/NĐ-CP.

b) Người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy
định tại Điều 4 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP.

c) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Mức phí và tỷ lệ để lại phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

1. Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Thọ là 10% trên giá bán của 01 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2. Tổ chức cung cấp nước sạch được để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Việc thu, nộp, quản lý, hạch toán và sử dụng số tiền phí được để lại thực hiện theo quy định của Nghị định số 346/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2026.

2. Bãi bỏ Điều 15 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 74/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XX, Kỳ họp thứ Hai (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 08 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Tài chính; Tư pháp; NN&MT; XD;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, HĐ^{2,5,11}

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình